TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 225/2025/QĐST-HNGĐ	*Quận 7, ngày 07 tháng 5 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 250/2025/TLST-HN ngày 01 tháng 04 năm 2025 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự :

1. Ông Cao Lê Phước T, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ 54, Khu phố 4, phường T, Quận B, Thành phố H.

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ 54, Khu phố 4, phường T, Quận B, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Cao Lê Phước T và bà Nguyễn Thị T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật (Giấy chứng nhận kết hôn số 52, Quyển số 01/2011, đăng ký ngày 24/05/2011 tại Ủy ban nhân dân phường Tân Quy, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh). Do đó, khi có yêu cầu ly hôn được áp dụng các quy định về ly hôn của Luật Hôn nhân và Gia đình và thủ tục giải quyết theo Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình chung sống, giữa bà T và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do cả hai bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Mặc dù đã tìm cách khắc phục nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cả hai đề nghị Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy mục đích hôn nhân giữa bà T và ông T không đạt được, không có khả năng đoàn tụ. Việc thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận.

[2] Về con chung: Căn cứ Giấy khai sinh (Bản sao) số 143, Quyển số 01/2012 ngày 25/05/2012 của Ủy ban nhân dân phường Tân Quy Quận 7 cùng lời thừa nhận của ông Cao Lê Phước T và bà Nguyễn Thị T; ông bà có 01 (một) con chung là trẻ Cao Nguyễn Thiên T (Nữ), sinh ngày 11/05/2012.

Sau khi ly hôn, ông bà thỏa thuận giao con chung cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; ông Cao Lê Phước T cấp dưỡng nuôi con là 10.000.000 (mười triệu) đồng/tháng. Thực hiện việc cấp dưỡng từ ngày 01 đến ngày 10 (dương lịch) hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ tháng 5/2025 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Các đương sự thỏa thuận việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, phù hợp Luật Hôn nhân và Gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

Trong trường hợp ông T chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì ông T còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông Cao Lê Phước T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức, Toà án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Ông Cao Lê Phước T và bà Nguyễn Thị T tự giải quyết không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông Cao Lê Phước T và bà Nguyễn Thị T xác nhận không có nợ chung.

[5] Về lệ phí việc dân sự: Ông Cao Lê Phước T và bà Nguyễn Thị T cùng chịu lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Cao Lê Phước T và bà Nguyễn Thị T thuận tình ly hôn (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 52, Quyển số 01, đăng ký ngày 24/05/2011 tại Ủy ban nhân dân phường Tân Quy, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh).

1.2. Về con chung: Giao 01 con chung là trẻ Cao Nguyễn Thiên T (Nữ), sinh ngày 11/5/2012 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; ông Cao Lê Phước T cấp dưỡng nuôi con là 10.000.000 (mười triệu) đồng/tháng. Thực hiện việc cấp dưỡng từ ngày 01 đến ngày 10 (dương lịch) hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ tháng 5/2025 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Các đương sự thỏa thuận việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, phù hợp Luật Hôn nhân và Gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

Trường hợp ông T chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì ông T còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông Cao Lê Phước T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức, Toà án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Tự giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) ông Cao Lê Phước T và bà Nguyễn Thị T cùng chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0056164 ngày 01 tháng 04 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T và ông T đã nộp đủ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND Tp. HCM
- VKSND Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Cơ quan nơi ĐKKH ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS, (TK. Thu).

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Phạm Thị Vy